TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2024/DS-ST
Ngày 31/7/2024
Về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Song Tố Như

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Kim Đào;

+ Ông Trần Hữu Thiện.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đỗ Ngọc Vinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Phượng Tú – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 224/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Xuân Q, sinh năm 1983; địa chỉ: đường số 4, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Lê Thị Kiều D, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (Theo Văn bản ủy quyền đề ngày 22/4/2024) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Chị Q không có bà con họ hàng với bà V, chỉ có mối quan hệ quen biết do có nhiều lần cho bà V vay tiền. Ngày 18/9/2023, bà V có hỏi vay chị Q số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, thỏa thuận thời hạn trả vào ngày 18/02/2024, mục đích vay tiền để kinh doanh. Khi vay, bà V tự viết nội dung và ký tên, ghi họ tên trên mẫu giấy in sẵn của chị Q. Trên tờ Giấy mượn tiền đề ngày 18/9/2023, bà V có ghi lãi suất theo quy định pháp luật nhưng thực tế hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 02%/tháng. Khi cho vay, chị Q giao tiền mặt cho bà V, giao một lần, giao tại nhà chị Q. Tại thời điểm hai bên giao nhận tiền, chỉ có chị Q và bà V, ngoài ra, không có ai khác chứng kiến sự việc.

Kể từ ngày vay, bà V không đóng lãi cho chị Q tháng nào. Đến thời hạn trả tiền gốc, bà V cũng không hoàn trả lại tiền gốc số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng cho chị Q. Do đó, chị Q khởi kiện yêu cầu bà V có nghĩa vụ trả lại cho chị Q số tiền nợ gốc là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay là ngày 18/9/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 18/7/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Ngọc V về yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay là ngày 18/9/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, chỉ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Ngọc V có nghĩa vụ trả lại cho chị Phạm Xuân Q số tiền nợ gốc là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Nguyễn Ngọc V trình bày:

Bà V thừa nhận có ký tên vào tờ Giấy mượn tiền đề ngày 18/9/2023, ghi số tiền mượn là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng. Tuy nhiên, thực tế chị Q không giao tiền cho bà V mà số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng là cộng từ 02 dây tiền góp và số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng tiền đứng, cụ thể:

+ Dây tiền góp thứ nhất, bà V bắt đầu vay từ khoảng 10 năm trước, không xác định cụ thể ngày tháng. Bà V góp theo hình thức chị Q đưa một lần cho bà V số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, bà V góp mỗi lần 05 (năm) ngày, được số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng cho chị Q. Mỗi 02 (hai) tháng, hai bên "úp" lại, chị Q đưa tiếp cho bà V số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng. Mỗi lần góp, bà V đưa tiền mặt cho chị Q, không yêu cầu chị Q ký tên nhận tiền, đồng thời, bà V không ghi giấy tờ gì cho chị Q.

+ Dây tiền góp thứ hai, bà V bắt đầu góp từ khoảng tháng 7/2023, góp theo hình thức chị Q đưa một lần cho bà V số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, bà V góp mỗi lần 05 (năm) ngày, được số tiền 3.600.000 (ba triệu sáu trăm nghìn)

đồng cho chị Q. Bà V góp được vài tháng thì bị bắt trong vụ án hình sự. Mỗi lần góp, bà V đưa tiền mặt cho chị Q, không yêu cầu chị Q ký tên nhận tiền, đồng thời, bà V không ghi giấy tờ gì cho chị Q.

+ Số tiền đứng 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng là số tiền bà V vay chị Q từ khoảng 05 năm trước, không xác định cụ thể ngày tháng. Khi vay, bà V có ký tên vào sổ cá nhân của chị Q và có đóng lãi 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng mỗi tháng. Bà V chưa trả lại chị Q số tiền gốc 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Đến ngày 18/9/2023, chị Q cộng 02 dây tiền góp cùng 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng tiền đứng và yêu cầu bà V ký tên vào giấy mượn tiền. Bà V không rõ vì sao chị Q yêu cầu bà chốt nợ và ký tên. Quá trình vay, bà V vẫn đóng tiền góp và đóng lãi cho số tiền đứng đầy đủ cho đến khi bị bắt trong vụ án hình sự vào ngày 04/01/2024.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị Q thì bà V xác định đã góp cho chị Q số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng tiền gốc nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Bà V thừa nhận còn nợ chị Q số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng và đồng ý trả lại chị Q số tiền nợ gốc 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, xin chị Q bỏ lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, Thẩm phán đã giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự. Các đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Xuân Q đối với bà Nguyễn Ngọc V về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, buộc bà V có trách nhiệm trả cho chị Q số tiền nợ gốc 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, ghi nhận chị Q không yêu cầu tính lãi. Đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Xuân Q khởi kiện bà Nguyễn Ngọc V về hợp đồng vay tài sản, là hợp đồng dân sự, tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là bà V có hộ khẩu thường trú tại xã Cầu Khởi,

Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện D theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Q vắng mặt, đã ủy quyền cho chị Diễm tham gia tố tụng. Chị Diễm, bà V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về chứng cứ: Tại phiên toà, các đương sự không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ các đương sự đã giao nộp và Toà án đã thu thập theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Chị Q khởi kiện bà V, yêu cầu bà V có nghĩa vụ trả lại cho chị Q số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là bản chính giấy mượn tiền đề ngày 18/9/2023 thể hiện nội dung bà V có vay chị Q số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng

Quá trình giải quyết vụ án, bà V thừa nhận có ký tên vào giấy mượn tiền đề ngày 18/9/2023, tuy nhiên, bà V không thừa nhận chị Q có giao cho bà V số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng vào ngày 18/9/2023 mà giấy mượn tiền đề ngày 18/9/2023 là giấy chốt nợ từ 02 dây tiền góp số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng mỗi dây và 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng tiền đứng, các khoản nợ đều không thỏa thuận thời hạn trả.

Hội đồng xét xử xét thấy bà V có thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy mượn tiền đề ngày 18/9/2023, đồng thời, bà V không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh giấy mượn tiền đề ngày 18/9/2023 là giấy chốt nợ từ 02 dây tiền góp và 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng tiền đứng. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định chị Q chỉ cho bà V vay tiền đứng, không phải cho vay tiền góp, chị Q cho bà V vay 01 lần, số tiền gốc là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng trong thời hạn 05 tháng, ngoài ra, không còn cho vay số tiền nào khác. Do đó có căn cứ xác định bà V có vay chị Q số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng thể hiện tại giấy mượn tiền đề ngày 18/9/2023, hai bên xác lập giao dịch vay có lãi, có thời hạn.

[3.2] Quá trình thực hiện giao dịch vay, bà V xác định đã trả cho chị Q số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng tiền gốc nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Phía nguyên đơn không thừa nhận bà V đã trả được số tiền số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng trên số tiền nợ gốc 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 466, 470 của Bộ luật

Dân sự, cần buộc bà V có nghĩa vụ trả lại cho chị Q số tiền nợ gốc là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng

[3.3] Về tiền lãi, theo đơn khởi kiện, nguyên đơn có yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Xuân Q đối với bà Nguyễn Ngọc V về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

Bà Nguyễn Ngọc V có nghĩa vụ trả lại cho chị Phạm Xuân Q số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng. Ghi nhận chị Q không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc V phải chịu 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phạm Xuân Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Q số tiền 6.250.000 (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007667 ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D

3. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện DMC
- Chi cục THADS huyện DMC
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Song Tố Như